

Số: 2374/QĐ-ĐHHN

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí học kỳ 2 năm học 2023-2024
cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy khóa 2020, 2021, 2022 và 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quy định công tác sinh viên trình độ đại học hình thức chính quy của Trường Đại học Hà Nội ban hành theo Quyết định số 2532/QĐ-ĐHHN ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 573/TB-ĐHHN ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội về việc hướng dẫn làm hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy khóa 2020, 2021, 2022 và 2023 học kỳ 2 năm học 2023-2024;

Xét đơn đề nghị và hồ sơ miễn, giảm học phí của sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp và Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận **243** sinh viên hình thức đào tạo chính quy khóa 2020, 2021, 2022 và 2023 thuộc diện được miễn, giảm học phí học kỳ 2 năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

- Đối tượng được miễn học phí: **112** sinh viên
 - Đối tượng được giảm 70% học phí: **96** sinh viên
 - Đối tượng được giảm 50 % học phí: **35** sinh viên
- (danh sách kèm theo)

Điều 2. Mức miễn, giảm học phí đối với mỗi sinh viên được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các phòng: Công tác sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, Tài chính-Kế toán, Quản lý Đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV&QHDN.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Trào

**DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY KHÓA 2020, 2021, 2022 và 2023
ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

(Kèm theo Quyết định số 2374/QĐ-ĐHHN, ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội)

TT	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
I. Danh sách sinh viên khóa 2020 (Cấp tiếp)										
1	Nguyễn Lan	Anh	2004010004	2KT-20	Con của thương binh	Miễn học phí	3,900,000	3,900,000	-	CẤP TIẾP
2	Bùi Thị Phương	Diễm	2007040033	4T-20	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	9,600,000	6,000,000	3,600,000	CẤP TIẾP
3	Hoàng Thị Kim	Dung	2007060036	4NB-20	Con của bệnh binh	Miễn học phí	5,280,000	5,280,000	-	CẤP TIẾP
4	Nguyễn Thị Thái	Dương	2007040039	1T-20	Con của thương binh	Miễn học phí	3,360,000	3,360,000	-	CẤP TIẾP
5	Nhữ Thị Bích	Hà	2007010076	4A-20	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	5,280,000	5,280,000	-	CẤP TIẾP
6	Hoàng Thị	Hằng	2007010081	1A-20	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	6,240,000	6,000,000	240,000	CẤP TIẾP
7	Đỗ Thị Nhân	Hậu	2006080036	1Q-20	Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ	Miễn học phí	-	-	-	CẤP TIẾP Đã HT các môn
8	Đỗ Thúy	Hiền	2007170027	1H-20C	Con của thương binh	Miễn học phí	6,720,000	6,000,000	720,000	CẤP TIẾP
9	Vũ Bích	Hồng	2007170032	1H-20C	Con của thương binh	Miễn học phí	6,720,000	6,000,000	720,000	CẤP TIẾP
10	Vì Thị	Hồng	2007010108	8A-20	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	4,800,000	4,800,000	-	CẤP TIẾP
11	Hoàng Thị Thúy	Hường	2007040092	8T-20	Con của thương binh	Miễn học phí	1,440,000	1,440,000	-	CẤP TIẾP
12	Dương Thị Thùy	Linh	2007040113	2T-20	Con của thương binh	Miễn học phí	3,840,000	3,840,000	-	CẤP TIẾP
13	Phạm Thị Diệu	Linh	2007070053	1H-20	Con của liệt sĩ	Miễn học phí	7,680,000	6,000,000	1,680,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
							Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
14	Nguyễn Thoại Ly	1907050087	3Đ-20	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	7,680,000	6,000,000	1,680,000	CẤP TIẾP
15	Nguyễn Hương Ly	1907050085	1Đ-20	Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ	Miễn học phí	7,680,000	6,000,000	1,680,000	CẤP TIẾP
16	Hoàng Hà Mi	2004000061	3K-20	Con của liệt sĩ	Miễn học phí	10,400,000	6,250,000	4,150,000	CẤP TIẾP
17	Nguyễn Hải Ngọc	2004000074	3K-20	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Miễn học phí	6,500,000	6,250,000	250,000	CẤP TIẾP
18	Ngô Thị Nguyệt	2001040157	2C-20	Con của bệnh binh	Miễn học phí	5,850,000	5,850,000	-	CẤP TIẾP
19	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	2004050040	2M-20	Con của thương binh	Miễn học phí	2,600,000	2,600,000	-	CẤP TIẾP
20	Đinh Phương Nhung	2007040180	3T-20	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	1,440,000	1,440,000	-	CẤP TIẾP
21	Hà Phạm Hải Quỳnh	1907060149	5NB-20	Con của thương binh	Miễn học phí	6,720,000	6,000,000	720,000	CẤP TIẾP
22	Dương Thị Tâm	2007040214	8T-20	Con của bệnh binh	Miễn học phí	1,440,000	1,440,000	-	CẤP TIẾP
23	Lư Thị Thảo	2007060162	3NB-20	Con của thương binh	Miễn học phí	5,280,000	5,280,000	-	CẤP TIẾP
24	Nguyễn Mạc Phương Thảo	2006080116	2Q-20	Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ	Miễn học phí	3,900,000	3,900,000	-	CẤP TIẾP
25	Trần Thị Thanh Thành	1907070101	2H-20	Con của thương binh	Miễn học phí	6,720,000	6,000,000	720,000	CẤP TIẾP
26	Lê Thị Thơ	2007040234	9T-20	Con của bệnh binh	Miễn học phí	6,720,000	6,000,000	720,000	CẤP TIẾP
27	Nguyễn Quỳnh Thư	2007070109	1H-20	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	6,720,000	6,000,000	720,000	CẤP TIẾP
28	Dương Thị Thương	2007010293	5A-20	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	9,600,000	6,000,000	3,600,000	CẤP TIẾP
29	Vũ Thị Thùy Trang	2004010108	4KT-20	Con của thương binh	Miễn học phí	6,500,000	6,250,000	250,000	CẤP TIẾP
30	Hồ Thị Quỳnh Trang	2006080130	2Q-20	Con của thương binh	Miễn học phí	5,850,000	5,850,000	-	CẤP TIẾP
31	Quách Thị Trang	2007070118	3H-20	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	7,680,000	6,000,000	1,680,000	CẤP TIẾP
32	Nguyễn Thị Việt Trinh	2004010112	4KT-20	Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ	Miễn học phí	-	-	-	CẤP TIẾP Đã HT các môn
33	Phạm Thị Trinh	2007070121	4H-20	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	6,720,000	6,000,000	720,000	CẤP TIẾP
34	Đỗ Trí Trung	2001040212	6C-20	Con của thương binh	Miễn học phí	3,900,000	3,900,000	-	CẤP TIẾP
35	Hà Thanh Vân	2007060203	2NB-20	Con của thương binh	Miễn học phí	4,320,000	4,320,000	-	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
							Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
36	Nguyễn Tiến Văn	2001140058	1C-20C	Con của bệnh binh	Miễn học phí	-	-	-	CẤP TIẾP Đã HT các môn
37	Quách Thị Vân Anh	2004000013	4K-20	DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	12,425,000	4,375,000	8,050,000	CẤP TIẾP
38	Đinh Tuấn Đạt	2007010048	12A-20	DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	3,000,000	3,000,000	-	CẤP TIẾP
39	An Quốc Hữu	2004000048	1K-20	DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	12,425,000	4,375,000	8,050,000	CẤP TIẾP
40	Trương Nhật Lệ	2007010142	14A-20	DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	3,480,000	3,480,000	-	CẤP TIẾP
41	Trần Khiết Linh	2007010161	5A-20	DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	3,000,000	3,000,000	-	CẤP TIẾP
42	Lý Mai Linh	2007010152	10A-20	DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	2,520,000	2,520,000	-	CẤP TIẾP
43	Vương Thị Mơ	2007040149	1T-20	DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	4,200,000	4,200,000	-	CẤP TIẾP
44	Bùi Trúc Ngân	2007010198	14A-20	DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	7,320,000	4,200,000	3,120,000	CẤP TIẾP
45	Nguyễn Trương Ý Như	2007010228	7A-20	DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	3,000,000	3,000,000	-	CẤP TIẾP
46	Nông Thị Nương	2007040185	8T-20	DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	3,000,000	3,000,000	-	CẤP TIẾP
47	Hoàng Thị Hồng Sim	2007030079	4P-20	DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	3,960,000	3,960,000	-	CẤP TIẾP
48	Lương Đình Thái	2001040184	1C-20	DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	1,865,000	1,865,000	-	CẤP TIẾP
49	Trần Phương Thảo	2007010283	12A-20	DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	2,520,000	2,520,000	-	CẤP TIẾP
50	Lang Thị Út	2007040283	5T-20	DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	2,520,000	2,520,000	-	CẤP TIẾP
51	Sin Thị Triệu Vi	2007010352	13A-20	DTTS ở KV III, ĐBKK	Giảm 70% học phí	3,960,000	3,960,000	-	CẤP TIẾP
52	Đào Mai Anh	2007010003	3A-20	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	6,120,000	3,000,000	3,120,000	CẤP TIẾP
53	Nguyễn Thị Thanh Bình	2007030020	1P-20	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	3,000,000	3,000,000	-	CẤP TIẾP
54	Nguyễn Mai Hạnh	2007170026	1H-20C	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	3,720,000	3,000,000	720,000	CẤP TIẾP
55	Trần Thị Hường	2007170034	3H-20C	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	7,560,000	3,000,000	4,560,000	CẤP TIẾP
56	Đỗ Thúy Hường	2007060080	3NB-20	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	4,680,000	3,000,000	1,680,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
57	Vũ Thùy	Linh	2007010168	12A-20	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	3,240,000	3,000,000	240,000	CẤP TIẾP
58	Hoàng Phương	Linh	1907070062	4H-20	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	4,680,000	3,000,000	1,680,000	CẤP TIẾP
59	Nguyễn Hương	Ly	2001000026	2TT-20	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	2,760,000	2,760,000	-	CẤP TIẾP
60	Hoàng Khánh	Ngọc	2007190043	1I-20C	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	840,000	840,000	-	CẤP TIẾP
61	Phạm Dương Yến	Nhi	2007010224	12A-20	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	1,800,000	1,800,000	-	CẤP TIẾP
62	Hoàng Đức	Thọ	2007060171	2NB-20	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	2,760,000	2,760,000	-	CẤP TIẾP
63	Đào Phương	Thúy	2007140077	2T-20C	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	1,800,000	1,800,000	-	CẤP TIẾP
64	Nguyễn Hoàng	Vỹ	2001040231	6C-20	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	3,625,000	3,625,000	-	CẤP TIẾP
II. Danh sách sinh viên khóa 2021 (Cấp tiếp)										
1	Võ Thị Ngọc	Ánh	2106060011	2NC-21	Con của bệnh binh	Miễn học phí	11,670,000	6,000,000	5,670,000	CẤP TIẾP
2	Văn Thị Kim	Chi	2107010048	3A-21	Con của thương binh	Miễn học phí	10,560,000	6,000,000	4,560,000	CẤP TIẾP
3	Hoàng Thái	Dương	2101040066	5C-21	Con của thương binh	Miễn học phí	17,520,000	7,250,000	10,270,000	CẤP TIẾP
4	Lý Thị Thu	Hà	2107040040	6T-21	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,960,000	6,000,000	6,960,000	CẤP TIẾP
5	Vi Thị Ngọc	Hoài	2107070080	2H-21	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	8,640,000	6,000,000	2,640,000	CẤP TIẾP
6	Nông Thị	Huế	2107010116	10A-21	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	9,600,000	6,000,000	3,600,000	CẤP TIẾP
7	Ngô Thị	Hường	2104000051	2K-21	Con của thương binh	Miễn học phí	11,700,000	6,250,000	5,450,000	CẤP TIẾP
8	Vũ Lê Nhật	Lệ	2104000055	2K-21	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Miễn học phí	10,710,000	6,250,000	4,460,000	CẤP TIẾP
9	Cà Thị Di	Linh	2107070039	2H-21	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	8,640,000	6,000,000	2,640,000	CẤP TIẾP
10	Lê Thị	Linh	2104000062	1K-21	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	8,250,000	6,250,000	2,000,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
11	Đinh Thị Khánh	Linh	2107040091	1T-21	Con của bệnh binh	Miễn học phí	11,520,000	6,000,000	5,520,000	CẤP TIẾP
12	Nguyễn Hoàng Hà	Linh	2107040096	6T-21	Con của thương binh	Miễn học phí	11,520,000	6,000,000	5,520,000	CẤP TIẾP
13	Lý Thị	Ly	2107140059	2T-21C	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	13,440,000	6,000,000	7,440,000	CẤP TIẾP
14	Ninh Thị Ánh	Ngọc	2104040075	2TC-21	Con của thương binh	Miễn học phí	12,660,000	6,250,000	6,410,000	CẤP TIẾP
15	Lý Thị	Nhi	2106090059	2D-21	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	11,190,000	6,000,000	5,190,000	CẤP TIẾP
16	Hoàng Thị	Nhung	2107040133	1T-21	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	11,520,000	6,000,000	5,520,000	CẤP TIẾP
17	Nguyễn Đức	Phúc	2104000082	4K-21	Con của bệnh binh	Miễn học phí	11,670,000	6,250,000	5,420,000	CẤP TIẾP
18	Bùi Thị	Tâm	2107010240	3A-21	Con của bệnh binh	Miễn học phí	11,520,000	6,000,000	5,520,000	CẤP TIẾP
19	Nguyễn Thị Thu	Tâm	2101040161	6C-21	Con của thương binh	Miễn học phí	10,710,000	7,250,000	3,460,000	CẤP TIẾP
20	Nguyễn Thị	Thảo	2107070064	3H-21	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,960,000	6,000,000	6,960,000	CẤP TIẾP
21	Nguyễn Thị	Thơ	2107040179	2T-21	Con của thương binh	Miễn học phí	11,040,000	6,000,000	5,040,000	CẤP TIẾP
22	Hoàng Anh	Thư	2107170090	2H-21C	Con của thương binh	Miễn học phí	3,360,000	3,360,000	-	CẤP TIẾP
23	Đỗ Vũ Mai	Thùy	2107070069	3H-21	Con của thương binh	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	CẤP TIẾP
24	Nguyễn Ngọc	Trâm	2107010278	8A-21	Con của bệnh binh	Miễn học phí	10,560,000	6,000,000	4,560,000	CẤP TIẾP
25	Lang Thùy	Trang	2107070081	2H-21	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,000,000	6,000,000	6,000,000	CẤP TIẾP
26	Nguyễn Quỳnh	Trang	2107010285	5A-21	Con của thương binh	Miễn học phí	11,520,000	6,000,000	5,520,000	CẤP TIẾP
27	Lương Thị Cẩm	Vân	1907140055	2T-21C	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	8,160,000	6,000,000	2,160,000	CẤP TIẾP
28	Trần Anh	Vũ	2101140082	1C-21C	Con của thương binh	Miễn học phí	15,570,000	7,250,000	8,320,000	CẤP TIẾP
29	Nông Thế	Bình	2106060012	2NC-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	7,920,000	4,200,000	3,720,000	CẤP TIẾP
30	Nguyễn Ngọc	Châm	2107040025	3T-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	7,320,000	4,200,000	3,120,000	CẤP TIẾP
31	Mã Ngọc	Diệp	2107040033	5T-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,680,000	4,200,000	6,480,000	CẤP TIẾP
32	Nông Hương	Giang	2107010068	6A-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,160,000	4,200,000	6,960,000	CẤP TIẾP
33	Lộc Khánh	Hân	2107010090	3A-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,720,000	4,200,000	5,520,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
34	Lăng Thị	Hạnh	2107040051	3T-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	CẤP TIẾP
35	Triệu Thị	Hiền	2007010097	10A-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	3,480,000	3,480,000	-	CẤP TIẾP
36	Hoàng Thu	Hòa	2107070027	3H-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,200,000	4,200,000	6,000,000	CẤP TIẾP
37	Trần Thị	Hương	2107040073	1T-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,680,000	4,200,000	6,480,000	CẤP TIẾP
38	Lương Thùy	Linh	2107170050	3H-21C	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,600,000	4,200,000	8,400,000	CẤP TIẾP
39	Hoàng Phương	Linh	2107010164	1A-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	8,760,000	4,200,000	4,560,000	CẤP TIẾP
40	Hoàng Nguyễn Bảo	Linh	2107060086	4NB-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	7,320,000	4,200,000	3,120,000	CẤP TIẾP
41	Nông Nhật	Lệ	2107040085	1T-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,120,000	4,200,000	7,920,000	CẤP TIẾP
42	Nguyễn Thị Hiền	Mai	2101040118	3C-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,965,000	5,075,000	5,890,000	CẤP TIẾP
43	Sô La Huyền	Mai	2106080084	4Q-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,380,000	4,200,000	6,180,000	CẤP TIẾP
44	Quách Ngọc	Ninh	2001040161	1C-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,485,000	5,075,000	5,410,000	CẤP TIẾP
45	Phan Thị	Nhung	2107040135	3T-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,240,000	4,200,000	5,040,000	CẤP TIẾP
46	Nông Thị	Phước	2107040139	1T-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,120,000	4,200,000	7,920,000	CẤP TIẾP
47	Hà Thị	Quỳnh	2107070060	3H-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,160,000	4,200,000	6,960,000	CẤP TIẾP
48	Nguyễn Ngọc	Son	2107010239	2A-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,080,000	4,200,000	8,880,000	CẤP TIẾP
49	Đinh Thị Phương	Thảo	2107040168	4T-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,680,000	4,200,000	6,480,000	CẤP TIẾP
50	Bế Đàm Phương	Thảo	2107140090	1T-21C	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,640,000	4,200,000	7,440,000	CẤP TIẾP
51	Lương Thị Thu	Thủy	2107010270	7A-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,680,000	4,200,000	6,480,000	CẤP TIẾP
52	Hoàng Thùy	Tiên	2107010273	5A-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,240,000	4,200,000	5,040,000	CẤP TIẾP
53	Hoàng Thanh	Trúc	2104000110	3K-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	5,925,000	4,375,000	1,550,000	CẤP TIẾP
54	Lăng Thị	Tầm	2107040161	5T-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,680,000	4,200,000	6,480,000	CẤP TIẾP
55	Hoàng Thị	Xuyến	2107040212	5T-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	7,320,000	4,200,000	3,120,000	CẤP TIẾP
56	Hoàng Thị Hải	Yến	2107040214	2T-21	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,240,000	4,200,000	5,040,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
57	Tạ Ngọc	Ánh	2104000016	1K-21	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	5,635,000	3,125,000	2,510,000	CẤP TIẾP
58	Nguyễn Tiến	Dũng	2101040065	5C-21	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	5,135,000	3,625,000	1,510,000	CẤP TIẾP
59	Nguyễn Thùy	Dương	2107060035	2NB-21	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	9,480,000	3,000,000	6,480,000	CẤP TIẾP
60	Lê Hương	Giang	2107010067	2A-21	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	3,240,000	3,000,000	240,000	CẤP TIẾP
61	Đặng Thị Trà	My	2107050073	1Đ-21	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	7,560,000	3,000,000	4,560,000	CẤP TIẾP
62	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	2101040140	4C-21	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	9,035,000	3,625,000	5,410,000	CẤP TIẾP
63	Nguyễn Hương	Thảo	2107040172	2T-21	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	9,000,000	3,000,000	6,000,000	CẤP TIẾP
64	Nguyễn Thanh	Thương	2107010265	4A-21	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	10,440,000	3,000,000	7,440,000	CẤP TIẾP
65	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	2101000057	1TT-21	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	3,000,000	3,000,000	-	CẤP TIẾP
III. Danh sách sinh viên khóa 2022 (Cấp tiếp)										
1	Đỗ Thị Như	Anh	2204000003	2K-22	Con của thương binh	Miễn học phí	15,750,000	6,250,000	9,500,000	CẤP TIẾP
2	Đoàn Thị Mai	Anh	2207190003	2I-22C	Con của thương binh	Miễn học phí	20,150,000	6,000,000	14,150,000	CẤP TIẾP
3	Phạm Hà	Chi	2207040030	1T-22	Con của bệnh binh	Miễn học phí	7,800,000	6,000,000	1,800,000	CẤP TIẾP
4	Hoàng Ngọc	Diễm	2201040025	1C-22	Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ	Miễn học phí	10,780,000	7,250,000	3,530,000	CẤP TIẾP
5	Đàm Lê	Dương	2207040215	6T-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	7,800,000	6,000,000	1,800,000	CẤP TIẾP
6	Lê Minh	Hương	2204040047	2TC-22	Con của bệnh binh	Miễn học phí	11,010,000	6,250,000	4,760,000	CẤP TIẾP
7	Trần Thị	Hường	2201000030	2TT-22	Con của bệnh binh	Miễn học phí	14,700,000	6,000,000	8,700,000	CẤP TIẾP
8	Đinh Thị	Hường	2207070036	1H-22	Con của thương binh	Miễn học phí	12,350,000	6,000,000	6,350,000	CẤP TIẾP
9	Hoàng Thị Thu	Huyền	2206080051	2Q-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	12,730,000	6,000,000	6,730,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
10	Phạm Thanh	Huyền	2207010110	3A-22	Con của thương binh	Miễn học phí	10,400,000	6,000,000	4,400,000	CẤP TIẾP
11	Hà Thị Ngọc	Lan	2207040221	5T-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	9,750,000	6,000,000	3,750,000	CẤP TIẾP
12	Hà Thị Phương	Linh	2207060087	1NB-22	Con của thương binh	Miễn học phí	9,750,000	6,000,000	3,750,000	CẤP TIẾP
13	Chi Thị	Minh	2207010315	10A-22	Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn	Miễn học phí	12,350,000	6,000,000	6,350,000	CẤP TIẾP
14	Lường Thị	Tâm	2207040152	2T-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	10,400,000	6,000,000	4,400,000	CẤP TIẾP
15	Trương Thị Thanh	Tâm	2201000055	1TT-22	Con của bệnh binh	Miễn học phí	16,950,000	6,000,000	10,950,000	CẤP TIẾP
16	Hoàng Thị	Thương	2207040176	4T-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	10,400,000	6,000,000	4,400,000	CẤP TIẾP
17	Phạm Thị	Thương	2207010308	8A-22	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	11,700,000	6,000,000	5,700,000	CẤP TIẾP
18	Nguyễn Thị	Thùy	2201040203	5C-22	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	16,400,000	7,250,000	9,150,000	CẤP TIẾP
19	Nguyễn Ngọc	Tú	2201040158	5C-22	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	16,400,000	7,250,000	9,150,000	CẤP TIẾP
20	Hà Thị	Tuyết	2207040156	6T-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	10,400,000	6,000,000	4,400,000	CẤP TIẾP
21	Lê Thị Hồng	Vân	2207070100	1H-22	Con của thương binh	Miễn học phí	12,350,000	6,000,000	6,350,000	CẤP TIẾP
22	Vy Thị Thùy	Yến	2207040206	5T-22	Con của thương binh	Miễn học phí	10,400,000	6,000,000	4,400,000	CẤP TIẾP
23	Mai Tú	Anh	2201040004	7C-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,555,000	5,075,000	5,480,000	CẤP TIẾP
24	Mã Thị	Diệp	2207010309	9A-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	7,300,000	4,200,000	3,100,000	CẤP TIẾP
25	Lương Thu	Hằng	2207140023	2T-22C	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,150,000	4,200,000	8,950,000	CẤP TIẾP
26	Nông Thu	Hằng	2207010077	10A-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	7,300,000	4,200,000	3,100,000	CẤP TIẾP
27	Hứa Mạnh	Hùng	2204050080	1M-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	10,435,000	4,375,000	6,060,000	CẤP TIẾP
28	Bùi Thế	Hùng	2201140035	2C-22C	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	6,605,000	5,075,000	1,530,000	CẤP TIẾP
29	Hà Thị Lan	Hương	2207140032	3T-22C	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,900,000	4,200,000	5,700,000	CẤP TIẾP
30	Vi Thị	Huyền	2207080044	3TB-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,450,000	4,200,000	10,250,000	CẤP TIẾP
31	Quan Khắc	Khiết	2207040086	6T-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	6,650,000	4,200,000	2,450,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên		Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
32	Lù Thị	Khuê	2207040087	7T-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	8,600,000	4,200,000	4,400,000	CẤP TIẾP
33	Vi Thị Nhật	Lệ	2207070043	1H-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	7,950,000	4,200,000	3,750,000	CẤP TIẾP
34	Trần Văn	Lương	2207040107	5T-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	7,950,000	4,200,000	3,750,000	CẤP TIẾP
35	Sái Thị Thảo	Ly	2207040223	6T-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,900,000	4,200,000	5,700,000	CẤP TIẾP
36	Đỗ Thị Hoàng	Ngân	2207060182	6NB-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,250,000	4,200,000	5,050,000	CẤP TIẾP
37	Nông Thu	Thảo	2207010318	9A-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	7,300,000	4,200,000	3,100,000	CẤP TIẾP
38	Nông Thị Kim	Thi	2207140102	2T-22C	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	11,200,000	4,200,000	7,000,000	CẤP TIẾP
39	Triệu Thị	Thu	2207040168	3T-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	6,000,000	4,200,000	1,800,000	CẤP TIẾP
40	Nông Thị Lệ	Thúy	2207040169	4T-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	6,000,000	4,200,000	1,800,000	CẤP TIẾP
41	Nông Thị Thanh	Thùy	2207040231	6T-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,250,000	4,200,000	5,050,000	CẤP TIẾP
42	Lý Thị Huyền	Trang	2207140106	1T-22C	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,900,000	4,200,000	5,700,000	CẤP TIẾP
43	Đinh Thị Mai	Uyên	2207040198	4T-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	7,950,000	4,200,000	3,750,000	CẤP TIẾP
44	Hoàng Hồng	Vân	2207070111	4H-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	9,250,000	4,200,000	5,050,000	CẤP TIẾP
45	Đặng Thị	Viên	2207010296	7A-22	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	7,950,000	4,200,000	3,750,000	CẤP TIẾP
46	Nguyễn Tuấn	Anh	2207010018	7A-22	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	8,700,000	3,000,000	5,700,000	CẤP TIẾP
47	Đoàn Ánh	Chi	2207010046	2A-22	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	6,100,000	3,000,000	3,100,000	CẤP TIẾP
48	Nguyễn Hương	Linh	2207010140	8A-21	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	7,560,000	3,000,000	4,560,000	CẤP TIẾP
49	Bùi Thị Thùy	Linh	2206080064	1Q-22	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	9,730,000	3,000,000	6,730,000	CẤP TIẾP
50	Phạm Đức	Quân	2201040150	2C-22	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	11,475,000	3,625,000	7,850,000	CẤP TIẾP
51	Lê Phương	Trang	2204000099	2K-22	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	10,255,000	3,125,000	7,130,000	CẤP TIẾP
IV. Danh sách sinh viên khóa 2023 (Cấp tiếp)										
1	Đào Nguyễn Hà	Anh	2307060187	1NB-23	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	15,600,000	6,000,000	9,600,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
2	Nguyễn Thị	Dân	2307170022	1H-23C	Con của thương binh	Miễn học phí	17,550,000	6,000,000	11,550,000	CẤP TIẾP
3	Hoàng Thị Tiên	Diễm	2304050018	2M-23	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	27,950,000	6,250,000	21,700,000	CẤP TIẾP
4	Nguyễn Thị Hiền	Giang	2301060016	1TĐ-23	Con của thương binh	Miễn học phí	27,300,000	6,000,000	21,300,000	CẤP TIẾP
5	Lê Thị	Hương	2307140040	3T-23C	Con của thương binh	Miễn học phí	15,600,000	6,000,000	9,600,000	CẤP TIẾP
6	Lục Nam	Khánh	2307050066	2Đ-23	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	16,250,000	6,000,000	10,250,000	CẤP TIẾP
7	Phan Thị Khánh	Linh	2307040079	3T-23	Con của thương binh	Miễn học phí	14,300,000	6,000,000	8,300,000	CẤP TIẾP
8	Trần Diệu	Linh	2307040080	4T-23	Con của bệnh binh	Miễn học phí	16,250,000	6,000,000	10,250,000	CẤP TIẾP
9	Tổng Thị	Loan	2307170061	1H-23C	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	18,850,000	6,000,000	12,850,000	CẤP TIẾP
10	Nguyễn Thị Trang	Nhung	2307010200	9A-23	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Miễn học phí	16,900,000	6,000,000	10,900,000	CẤP TIẾP
11	Chu Anh	Thắng	2307010241	9A-23	Con của liệt sĩ	Miễn học phí	16,250,000	6,000,000	10,250,000	CẤP TIẾP
12	Nguyễn Đức	Thanh	2307040142	1T-23	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	17,550,000	6,000,000	11,550,000	CẤP TIẾP
13	Trần Minh	Thu	2307010245	9A-23	Con của thương binh	Miễn học phí	16,900,000	6,000,000	10,900,000	CẤP TIẾP
14	Vi Minh	Thúy	2307040193	1T-23	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	16,900,000	6,000,000	10,900,000	CẤP TIẾP
15	Cao Thị	Trang	2307140090	3T-23C	Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ	Miễn học phí	17,550,000	6,000,000	11,550,000	CẤP TIẾP
16	Nguyễn Quang	Trung	2307010306	4A-23	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	13,000,000	6,000,000	7,000,000	CẤP TIẾP
17	Đào Quốc	Yên	2301040205	2C-23	Con của thương binh	Miễn học phí	26,650,000	7,250,000	19,400,000	CẤP TIẾP
18	Phương Thị Thu	Hường	2307010305	3A-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,800,000	4,200,000	9,600,000	CẤP TIẾP
19	Trần Hoài Thanh	Huyền	2307040061	5T-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	17,050,000	4,200,000	12,850,000	CẤP TIẾP
20	Đặng Thanh	Huyền	2307070075	1H-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,750,000	4,200,000	11,550,000	CẤP TIẾP
21	Đoàn Thị Thảo	Lim	2307060188	3NB-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	18,350,000	4,200,000	14,150,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
22	Ma Khánh	Linh	2307010131	10A-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,800,000	4,200,000	9,600,000	CẤP TIẾP
23	Đào Phương	Linh	2307020087	3N-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	16,400,000	4,200,000	12,200,000	CẤP TIẾP
24	Bùi Khánh	Ly	2307100050	1B-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	18,350,000	4,200,000	14,150,000	CẤP TIẾP
25	Hoàng Thanh	Mai	2307040092	3T-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,100,000	4,200,000	10,900,000	CẤP TIẾP
26	Vàng Ka	My	2307010304	3A-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,150,000	4,200,000	8,950,000	CẤP TIẾP
27	Ma Thị Hoàng	Nam	2307010307	2A-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,800,000	4,200,000	9,600,000	CẤP TIẾP
28	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	2307040115	6T-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,800,000	4,200,000	9,600,000	CẤP TIẾP
29	Hoàng Thị Kiều	Oanh	2307010206	5A-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,450,000	4,200,000	10,250,000	CẤP TIẾP
30	Nguyễn Thị Như	Sao	2307010227	3A-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,750,000	4,200,000	11,550,000	CẤP TIẾP
31	Hoàng Thị Thanh	Thảo	2307170087	3H-23C	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,750,000	4,200,000	11,550,000	CẤP TIẾP
32	Bùi Hồng	Thi	2307010302	6A-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,450,000	4,200,000	10,250,000	CẤP TIẾP
33	Hà Thanh	Th	2307010242	7A-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,450,000	4,200,000	10,250,000	CẤP TIẾP
34	Ma Thị Anh	Th	2307010248	3A-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,800,000	4,200,000	9,600,000	CẤP TIẾP
35	Phùng Thị Huyền	Th	2307080094	3TB-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,750,000	4,200,000	11,550,000	CẤP TIẾP
36	Vi Thùy	Tr	2304050071	3M-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	26,725,000	4,375,000	22,350,000	CẤP TIẾP
37	Trần Thị Thảo	V	2307010281	1A-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,500,000	4,200,000	8,300,000	CẤP TIẾP
38	Lê Minh	H	2307010089	2A-23	Con của CB, CC, VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	14,550,000	3,000,000	11,550,000	CẤP TIẾP
39	Nguyễn Thu	H	2307070029	1H-23	Con của CB, CC, VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	14,550,000	3,000,000	11,550,000	CẤP TIẾP
40	Bùi Trà	M	2307190040	11-23C	Con của CB, CC, VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	15,200,000	3,000,000	12,200,000	CẤP TIẾP

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
41	Hoàng Thị Hoài	Thương	2304000097	2K-23	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	20,275,000	3,125,000	17,150,000	CẤP TIẾP
V. Danh sách sinh viên khóa 2020, 2021, 2022, 2023 (Cấp mới)										
1	Kiều Hà	Anh	2006190059	1D-20C	Con của thương binh	Miễn học phí	14,100,000	6,000,000	8,100,000	CẤP MỚI
2	Lương Văn	Đạt	2007040031	3T-21	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	10,560,000	6,000,000	4,560,000	CẤP MỚI
3	Nông Thị Hoài	Phương	2007040196	1T-21	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	8,640,000	6,000,000	2,640,000	CẤP MỚI
4	Phạm Thị	Quỳnh	2107010235	7A-21	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	10,560,000	6,000,000	4,560,000	CẤP MỚI
5	Đàm Thị Thúy	Hợp	2207040073	1T-22	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	11,050,000	6,000,000	5,050,000	CẤP MỚI
6	Hà Ngọc	Mai	2307040091	2T-23	Sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Miễn học phí	14,950,000	6,000,000	8,950,000	CẤP MỚI
7	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	2306090013	1D-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	26,150,000	4,200,000	21,950,000	CẤP MỚI
8	Nguyễn Thị Phương	Linh	2307010140	11A-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	14,450,000	4,200,000	10,250,000	CẤP MỚI
9	Lâm Tâm	Như	2307080076	3TB-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	17,050,000	4,200,000	12,850,000	CẤP MỚI
10	Hoàng Ngọc	Nương	2307010205	3A-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,800,000	4,200,000	9,600,000	CẤP MỚI
11	Nông Thị Kim	Anh	2307060016	4NB-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	18,350,000	4,200,000	14,150,000	CẤP MỚI
12	Vũ Mai	Thảo	2307140080	2T-23C	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	13,150,000	4,200,000	8,950,000	CẤP MỚI
13	Phan Sỹ	Thành	2306090065	2D-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	24,850,000	4,200,000	20,650,000	CẤP MỚI
14	Đàm Nguyễn Uyên	Trân	2307030120	2P-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	12,500,000	4,200,000	8,300,000	CẤP MỚI
15	Lù Hoa	Xuân	2307040206	2T-23	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,750,000	4,200,000	11,550,000	CẤP MỚI
16	Cao Thị Thu	Hà	2007170022	2H-21C	Con của CB, CC,VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	9,480,000	3,000,000	6,480,000	CẤP MỚI
17	Nguyễn Ngọc	Trâm	2307010267	11A-23	Sinh viên khuyết tật	Miễn học phí	16,250,000	6,000,000	10,250,000	CẤP MỚI

TT	Họ và tên	tên	Mã SV	Lớp	Đối tượng	Chế độ	Số tiền miễn, giảm	Trong đó		Ghi chú
								Số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sv	Số tiền Nhà trường hỗ trợ	
18	Trịnh Ngọc	Mai	2301000040	1TT-23	Con của thương binh	Miễn học phí	13,800,000	6,000,000	7,800,000	CẤP MỚI
19	Vũ Mỹ	Tâm	2307060150	5NB-23	Con của thương binh	Miễn học phí	22,750,000	6,000,000	16,750,000	CẤP MỚI
20	Ma Nhật	Linh	2307170052	1H-23C	DTTS ở KV III, ĐBK	Giảm 70% học phí	15,750,000	4,200,000	11,550,000	CẤP MỚI
21	Nguyễn Nam	Phương	2301040151	5C-23	Con của CB, CC, VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	21,725,000	3,625,000	18,100,000	CẤP MỚI
22	Lê Thị Thu	Phương	2306080097	4Q-23	Con của CB, CC, VC, CN bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp	Giảm 50% học phí	25,600,000	3,000,000	22,600,000	CẤP MỚI
TỔNG:							2,525,050,000	1,126,280,000	1,398,770,000	

Tổng số tiền miễn, giảm học phí: **2,525,050,000** đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm hai mươi lăm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền Nhà nước hỗ trợ chi sinh viên: **1,126,280,000** đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền Nhà trường hỗ trợ chi sinh viên: **1,398,770,000** đồng (Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm chín mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Danh sách gồm: **243** sinh viên được miễn, giảm học phí

Trong đó:

Miễn học phí: **112** sinh viên

Giảm 70% học phí: **96** sinh viên

Giảm 50% học phí: **35** sinh viên

PHÒNG CTSV VÀ QHĐN



Hoàng Thị Minh Ván

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN



Trần Thị Thu Huệ

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Trào